

THÔNG BÁO

Kết quả quan trắc chất lượng nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau (đợt 17 năm 2026)

Để tăng cường công tác giám sát và kiểm soát chất lượng môi trường nước trên các tuyến sông cấp nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ năm 2026, Chi cục Thủy sản Cà Mau phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu môi trường và bệnh thủy sản miền Nam thực hiện lấy mẫu quan trắc môi trường nước mặt tại 23 điểm trên các tuyến sông thuộc địa bàn tỉnh Cà Mau từ ngày 20/9/2026 đến 22/9/2026 (đợt 17 năm 2026).

Các điểm quan trắc gồm: Kênh 30/4 – Phường Hiệp Thành, Kênh Xáng – phường Vĩnh Trạch, Kênh Cái Cùm – xã Vĩnh Hậu, Kênh Chùa Phật – xã Vĩnh Hậu, Kênh Gò Cát – xã Long Điền, Kênh Hộ Phòng – xã Long Điền, Kênh 9000 – xã Hồng Dân, Cửa biển Gành Hào – xã Gành Hào, Sông Bạc Liêu – phường Bạc Liêu, Kênh Trường Sơn – phường Hiệp Thành, Kênh số 3 – xã Vĩnh Hậu, Kênh Mương 7 – xã Vĩnh Hậu, Ngã 3 Vàm Đám – xã Tân Tiến, Sông Đầm Dơi – xã Đầm Dơi, Sông Cái Đoi – xã Phú Tân, Ngã 3 Vàm Đình – xã Phú Mỹ, Cống Đá Kênh 4 – Hòa Mỹ – xã Hưng Mỹ, Lương Thế Trân – xã Lương Thế Trân và phường Lý Văn Lâm, Sông Cái Đoi Vàm – xã Cái Đoi Vàm, Sông Đường Chéo (Đường Kéo) – xã Tân Ân, Kênh Xáng Độ Cường – phường Hòa Thành và xã Trần Phán, Sông Thị Tường – xã Hưng Mỹ, Kênh Xáng Tân Hưng – xã Tân Hưng.

Các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: nhiệt độ, pH, DO, độ mặn, độ kiềm, $N-NO_2^-$, $N-NH_4^+$, $P-PO_4^{3-}$, $N-NO_3^-$, TSS, TP, Chlorophyll a, Vibrio tổng số, *Vibrio parahaemolyticus* tổng số và Coliform tổng số, EHP.

1. Kết quả chất lượng nước

(Kèm theo phụ lục kết quả phân tích chất lượng nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau đợt 17).

2. Đánh giá chất lượng nước

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
1	Kênh 30/4	52	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 30 CFU/mL Colifom = 24.000 MPN/100mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao nuôi. Cần kiểm tra độ mặn trước khi cấp vào ao nuôi; chú ý vệ sinh an toàn thực phẩm.
2	Kênh Xáng	49	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , Colifom = 24.000 MPN/100mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng cần xử lý nước và kiểm tra độ mặn trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý vệ sinh an toàn thực phẩm.
3	Kênh Cái Cùng	56	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> = 90 CFU/mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chất rắn lơ lửng, các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần lắng, xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao nuôi.
4	Kênh Chùa Phật	55	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 40 CFU/mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao nuôi.

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
5	Kênh Gò Cát	55	Trung bình	DO, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> = 50 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chất rắn lơ lửng, các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần lắng, xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao nuôi.
6	Kênh Hộ Phòng	55	Trung bình	DO, Vibrio, <i>V.parahaemolyticus</i> = 30 CFU/mL Colifom = 11.000 MPN/100mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Mật độ Vibrio cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , cần diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý vệ sinh an toàn thực phẩm.
7	Kênh 9000	74	Tốt	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng cần xử lý nước và kiểm tra độ mặn trước khi cấp vào ao nuôi.
8	Cửa biển Gành Hào	33	Kém	DO, độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> = 120 CFU/mL (DO, TSS có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Cần bổ sung bột vôi cacbonat (CaCO ₃), bột Dolomite [CaMg(CO ₃) ₂] để điều chỉnh và duy trì độ kiềm. Chất rắn lơ lửng, các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần lắng, xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao nuôi.
9	Sông Bạc Liêu	49	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng cần xử lý nước và kiểm tra độ mặn trước khi cấp vào ao nuôi.

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
10	Kênh Trường Sơn	53	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 10 CFU/mL Colifom = 11.000 MPN/100mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Cần kiểm tra và điều chỉnh độ mặn trước khi cấp nước; bổ sung bột vôi cacbonat (CaCO ₃), bột Dolomite [CaMg(CO ₃) ₂] để điều chỉnh và duy trì độ kiềm; có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần lắng, xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý vệ sinh an toàn thực phẩm.
11	Kênh số 3	60	Trung bình	DO, N-NH ₄ ⁺ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 130 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao nuôi.
12	Kênh Mương 7	50	Trung bình	DO, độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 120 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Cần bổ sung bột vôi cacbonat (CaCO ₃), bột Dolomite [CaMg(CO ₃) ₂] để điều chỉnh và duy trì độ kiềm. Các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần lắng, xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao nuôi.
13	Ngã 3 Vàm Đầm	50	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng cần xử lý nước và kiểm tra độ mặn trước khi cấp vào ao nuôi.
14	Sông	49	Trung	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
	Đầm Dơi		bình	(DO có q _i = 1)	pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng cần xử lý nước và kiểm tra độ mặn trước khi cấp vào ao nuôi.
15	Sông Cái Đoi	86	Rất tốt	DO, N-NO ₂ ⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 90 CFU/mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao nuôi.
16	Ngã 3 Vàm Đình	59	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng do đó cần xử lý nước kỹ trước khi cấp vào ao nuôi.
17	Cống Đá kênh 4 - Hòa Mỹ	59	Trung bình	DO, độ mặn, N-NO ₂ ⁻ (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng cần xử lý nước và kiểm tra độ mặn trước khi cấp vào ao nuôi.
18	Lương Thế Trân	55	Trung bình	DO, độ mặn, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>Vibrio</i> (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, mật độ <i>Vibrio</i> tăng cao do đó cần xử lý nước, diệt khuẩn nước kỹ và kiểm tra độ mặn trước khi cấp vào ao nuôi.
19	Sông Cái Đoi Vàm	34	Kém	DO, N-NO ₂ ⁻ , TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> = 20 CFU/mL (DO, TSS có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chất rắn lơ lửng, các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng cao

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần lắng, xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao nuôi.
20	Sông Đường Chéo (Đường Kéo)	81	Tốt	DO, N-NO ₂ ⁻ , Vibrio	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và mật độ Vibrio tăng cao do đó cần xử lý nước và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao nuôi.
21	Kênh Xáng Độ Cường	50	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ Colifom = 11.000 MPN/100mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng cần xử lý nước và kiểm tra độ mặn trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý vệ sinh an toàn thực phẩm.
22	Sông Thị Tường	58	Trung bình	DO, độ mặn, N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng cần xử lý nước và kiểm tra độ mặn trước khi cấp vào ao nuôi.
23	Kênh Xáng Tân Hưng	51	Trung bình	DO, độ mặn, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, Vibrio, <i>V.parahaemolyticus</i> = 40 CFU/mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, chất rắn lơ lửng và mật độ Vibrio tăng cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần lắng, xử lý nước, diệt khuẩn nước kỹ và kiểm tra độ mặn trước khi cấp vào ao nuôi.

Ghi chú: Chỉ số AWQI được đánh giá theo Quyết định 428/QĐ-TS-NTTS của Cục Thủy sản ký ngày 06/12/2023 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước cho vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn.

3. Khuyến cáo

Kết quả quan trắc đợt 17 cho thấy có 2/23 điểm quan trắc có chất lượng nước từ kém. Các yếu tố bất lợi chủ yếu là DO thấp, độ mặn không phù hợp, N-NO_2^- , N-NH_4^+ , P-PO_4^{3-} và TSS tăng cao; một số điểm đồng thời ghi nhận *Vibrio* tổng số cao và sự xuất hiện của *V. parahaemolyticus*. Các yếu tố bất lợi này có thể làm gia tăng nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và tăng trưởng của tôm nuôi. Ngoài ra, một số điểm có Coliform cao, cần chú ý kiểm soát chất lượng nước và an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt trong quá trình thu hoạch, bảo quản và vận chuyển tôm.

Trước nguy cơ xảy ra mưa lớn, ngập lụt, lũ quét và sạt lở đất tại khu vực Nam Trung Bộ và Nam Bộ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các tỉnh, thành phố chủ động triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản. Các địa phương thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai, nhất là thông tin về mưa lớn, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, lốc, sét và mưa đá; đồng thời tăng cường thông tin, tuyên truyền để người dân chủ động phòng tránh. Bên cạnh đó, tình hình thủy triều vùng ven biển Nam Bộ đang trong giai đoạn triều cao, có xu hướng giảm đến ngày 05/10, sau giảm.

Để hạn chế ảnh hưởng của thời tiết bất lợi đến hoạt động nuôi trồng thủy sản, Chi cục Thủy sản khuyến cáo các cơ sở, hộ nuôi chủ động thực hiện các biện pháp sau:

- Chủ động kiểm tra, gia cố bờ bao, bờ vuông, cống cấp – thoát nước và các vị trí xung yếu trước khi xảy ra mưa lớn; khơi thông hệ thống tiêu thoát nước, xử lý các vị trí có nguy cơ sạt lở, rò rỉ hoặc tràn bờ. Sau mưa lớn, cần kiểm tra và kịp thời khắc phục các vị trí công trình bị hư hỏng.

- Các cơ sở nuôi không lấy nước trực tiếp từ các khu vực có chất lượng nước kém và rất kém; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi.

- Tăng cường theo dõi, kiểm tra các chỉ tiêu môi trường nước trong ao nuôi (DO, độ mặn, N-NH_4^+ , N-NO_2^- , P-PO_4^{3-} và TSS), đặc biệt sau các đợt mưa; duy trì mực nước phù hợp, gia cố bờ bao, cống và chủ động các biện pháp quản lý nhằm hạn chế thiệt hại do thời tiết bất lợi gây ra.

- Đối với các khu vực ghi nhận ghi nhận *Vibrio* tổng số cao, *Vibrio parahaemolyticus* hoặc dương tính EHP, cần kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước cấp, định kỳ theo dõi mật độ vi khuẩn và giám sát sức khỏe tôm để phát hiện sớm dấu hiệu bất thường.

- Tại các khu vực có độ mặn thấp hoặc ngọt hóa, cần kiểm tra độ mặn trước khi cấp nước; chỉ lấy nước khi đạt yêu cầu đối với đối tượng nuôi và tránh cấp nước ngay sau các trận mưa lớn.

- Bên cạnh đó, thường xuyên kiểm tra pH ao/vuông nuôi và duy trì pH trong khoảng 7,5 – 8,5; chênh lệch giữa sáng và chiều không quá 0,5 đơn vị.

- Trong những ngày có mưa cần tháo bỏ lớp nước mặt trong và sau khi mưa, đồng thời tăng cường quạt nước để tránh hiện tượng phân tầng nước. Dùng vôi nông nghiệp hoặc vôi sống tạt trên bờ trước khi mưa, sau khi mưa hòa vôi trong nước tạt đều quanh ao/vuông nuôi (từ 10 – 20kg/1.000m² ao nuôi). Chủ động giảm hoặc ngưng cho tôm ăn trong thời gian mưa. Sau khi mưa cần bổ sung các chất tăng sức đề kháng, chế phẩm vi sinh giúp ổn định môi trường, hạn chế khí độc trong ao/vuông nuôi.

- Thường xuyên kiểm tra các yếu tố thủy lý, thủy hóa trong ao/vuông nuôi; theo dõi sức khỏe và hoạt động của tôm nuôi. Thực hiện quản lý thức ăn hợp lý; định kỳ vệ sinh đáy ao, loại bỏ bùn thải và chất hữu cơ tích tụ; duy trì môi trường nuôi ổn định nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

- Định kỳ bổ sung men tiêu hóa, vi lượng, khoáng chất, vitamin,... đặc biệt là vitamin C vào khẩu phần ăn hằng ngày để tăng sức đề kháng cho tôm nuôi.

- Thường xuyên cập nhật các bản tin dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai, bản tin quan trắc môi trường nước và các thông báo, khuyến cáo của cơ quan chuyên môn để chủ động nắm bắt thông tin và có biện pháp ứng phó kịp thời khi cần thiết.

Trên đây là thông báo kết quả quan trắc chất lượng nước và khuyến cáo của Chi cục Thủy sản nhằm hỗ trợ người nuôi chủ động thực hiện các biện pháp quản lý môi trường nuôi, phòng ngừa dịch bệnh thủy sản./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Trung tâm Khuyến nông (p/h);
- Phòng Kinh tế các xã (p/h);
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các phường (p/h);
- Ban biên tập Website Sở;
- Lưu: VT, NTTS_(Giang).

CHI CỤC TRƯỞNG



Đỗ Chí Sĩ



Phụ lục
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU CHẤT LƯỢNG NƯỚC PHỤC VỤ VÙNG NUÔI TÔM NƯỚC LỢ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU (TỪ NGÀY 20/9 – 22/9/2026)
(Kèm theo Thông báo số 68 /TB-CCTS ngày 02/10/2026 của Chi cục Thủy sản)

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	TP (mg/l)	Chlorophyll a (µg/l)	Vibrio (CFU/ml)	Vibrio parahaemolyticus (CFU/ml)	Coliform (MPN/ 100ml)	EHP
1	Kênh 30/4	Hiệp Thành	29,0	7,6	2,0	4,3	110	0,061	0,647	0,128	0,196	43,3	0,288	15,1	280	30	24.000	Âm tính
2	Kênh Xáng	Vĩnh Trạch	30,0	8,0	2,0	3,4	106	0,055	0,758	0,160	0,257	24,0	0,279	28,5	120	<1	24.000	Âm tính
3	Kênh Cái Cù	Vĩnh Hậu	29,0	7,2	3,0	18,9	136	0,174	0,672	0,132	0,106	113,3	0,305	10,3	370	90	380	Âm tính
4	Kênh Chùa Phật	Vĩnh Hậu	29,0	7,3	0,5	18,7	140	0,178	0,808	0,181	0,191	71,3	0,386	26,0	400	40	1.500	Âm tính
5	Kênh Gò Cát	Long Điền	30,0	7,4	2,0	18,6	139	0,097	0,856	0,203	0,107	102,0	0,312	9,1	640	50	230	Âm tính
6	Kênh Hộ Phòng	Long Điền	29,0	7,5	2,0	13,7	114	0,077	0,295	0,049	0,191	15,3	0,115	9,3	1.800	30	11.000	Âm tính
7	Kênh 9000	Hồng Dân	29,0	8,1	4,0	2,4	99	0,018	0,529	0,152	0,038	22,0	0,357	30,3	430	<1	2.400	Âm tính
8	Cửa biển Gành Hào	Gành Hào	29,0	7,1	2,0	23,7	153	0,104	0,502	0,073	0,083	533,0	0,506	35,2	600	120	2.400	Âm tính
9	Sông Bạc Liêu	Bạc Liêu	30,0	7,9	2,0	3,6	112	0,059	0,759	0,167	0,231	42,0	0,336	31,0	370	<1	4.600	Âm tính
10	Kênh Trường Sơn	Hiệp Thành	30,0	7,7	2,0	5,4	118	0,050	0,709	0,109	0,157	48,0	0,246	17,3	270	10	11.000	Âm tính
11	Kênh số 3	Vĩnh Hậu	30,0	7,2	2,0	17,2	109	0,068	0,324	0,032	0,174	9,3	0,100	4,8	640	130	4.600	Âm tính
12	Kênh Mương 7	Vĩnh Hậu	29,0	7,2	3,0	18,9	168	0,131	1,133	0,227	0,063	96,7	0,668	65,1	880	120	4.600	Âm tính
13	Ngã 3 Vàm Đầm	Tân Tiến	29,0	7,5	3,0	5,4	127	0,051	0,661	0,315	KPH	30,0	0,449	9,4	300	<1	2.400	Âm tính
14	Sông Đầm Dơi	Đầm Dơi	28,0	7,0	3,0	5,4	121	0,050	0,676	0,324	KPH	36,0	0,451	9,4	290	<1	4.600	Âm tính
15	Sông Cái Đồi	Phú Tân	30,0	7,5	3,5	11,9	116	0,102	0,094	0,078	0,166	58,7	0,183	2,7	200	90	930	Âm tính
16	Ngã 3 Vàm Đĩnh	Phú Mỹ	28,0	7,5	2,0	11,1	120	0,263	0,040	0,081	0,155	56,0	0,176	2,3	50	<1	930	Âm tính

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	TP (mg/l)	Chlorophyll a (µg/l)	Vibrio (CFU/ml)	<i>Vibrio parahaemolyticus</i> (CFU/ml)	Coliform (MPN/ 100ml)	EHP
17	Cổng Đá kênh 4 - Hòa Mỹ	Hung Mỹ	29,0	7,5	2,0	8,9	136	0,125	0,074	0,083	KPH	34,0	0,168	5,5	760	<1	2.400	Âm tính
18	Lương Thế Trân	Xã Lương Thế Trân và phường Lý Văn Lâm	28,0	7,0	2,0	9,7	123	0,155	0,361	0,147	0,162	83,3	0,283	5,5	1.700	<1	2.400	Âm tính
19	Sông Cái Đôi Vàm	Cái Đôi Vàm	30,0	7,5	3,0	17,1	109	0,287	0,018	0,064	0,261	249,3	0,244	0,0	300	20	930	Âm tính
20	Sông Đường Chéo (Đường Kéo)	Tân Ân	29,0	7,5	4,0	23,6	120	0,131	0,166	0,093	0,161	86,0	0,275	5,2	2.100	<1	2.400	Âm tính
21	Kênh Xáng Độ Cường	Phường Hòa Thành và xã Trần Phán	29,0	7,0	3,0	5,4	125	0,052	0,408	0,335	0,085	24,0	0,444	9,1	370	<1	11.000	Âm tính
22	Sông Thị Tường	Hung Mỹ	28,0	7,5	2,0	9,3	143	0,179	0,081	0,145	0,138	18,7	0,231	1,2	120	<1	4.600	Âm tính
23	Kênh Xáng Tân Hung	Tân Hưng	29,0	7,5	2,0	9,7	128	0,142	0,422	0,171	0,141	107,3	0,339	6,1	2.000	40	2.400	Âm tính